

2. *Nội dung kiểm tra.* Khi tiến hành kiểm tra cần chú ý các điểm sau :

— Số người trong diện học bỏ túc văn hóa so với tổng số nhân khẩu của địa phương (chia theo 3 loại đối tượng);

— Giấy chứng nhận tốt nghiệp lớp 7B cho thanh niên, cán bộ, đảng viên trẻ hoặc cho cán bộ, đảng viên đứng tuổi;

— Các loại sổ sách bỏ túc văn hóa;

— Ra đề kiểm tra trình độ văn hóa cho từng loại đối tượng.

Chỉ đạo phổ cập trình độ văn hóa cấp II cho cán bộ và thanh niên là một yêu cầu bức thiết hiện nay của công tác bỏ túc văn hóa nhằm góp phần thiết thực hơn nữa vào thắng lợi của cách mạng văn hóa và tư tưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất, Bộ yêu cầu các Sở, Ty hướng dẫn thông tư này cho cơ sở thực hiện dần từng bước một cách thận trọng và đảm bảo chất lượng tốt làm cơ sở cho bước phát triển mới của bỏ túc văn hóa trong giai đoạn cách mạng mới.

Hà-nội, ngày 4 tháng 5 năm 1976

K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thư trưởng

HỒ TRÚC

**QUYẾT ĐỊNH số 905-QĐ ngày 25-5-1976**  
ban hành Quy chế thi hết cấp I  
và cấp II bỏ túc văn hóa.

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ nghị định số 19 — CP ngày 29-1-1966 và nghị định số 6 — CP ngày 7-1-1971 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Giáo dục;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ bỏ túc văn hóa.

## QUYẾT ĐỊNH

*Điều 1.* — Nay ban hành kèm theo quyết định này Quy chế thi hết cấp I và cấp II bỏ túc văn hóa.

*Điều 2.* — Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ bỏ túc văn hóa, Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ Bộ Giáo dục; các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở và Trường ty giáo dục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 25 tháng 5 năm 1976

K. T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thư trưởng

HỒ TRÚC

## QUY CHẾ

**thi hết cấp I và cấp II bỏ túc văn hóa.**

(ban hành kèm theo quyết định số 905 — QĐ ngày 25-5-1976 của Bộ Giáo dục).

### Chương một

## MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG

*Điều 1.* — Kỳ thi hết cấp I và hết cấp II bỏ túc văn hóa nhằm mục đích:

— Đánh giá, xác nhận trình độ văn hóa để bảo đảm quyền lợi và chính sách cho học viên sau khi đã học xong chương trình mỗi cấp;

— Góp phần đánh giá việc thực hiện chương trình của nhà trường, kết quả giảng dạy của giáo viên, học tập của học viên và đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt trong ngành học bỏ túc văn hóa;

— Giúp các cấp giáo dục rút kinh nghiệm việc chỉ đạo nâng cao chất lượng học tập trong các trường bỏ túc văn hóa.

**Điều 2.** — Tùy tình hình cụ thể các sở, ty giáo dục và các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục quyết định số lượng các kỳ thi trong từng năm học, nhưng mỗi năm học không nên tổ chức quá ba kỳ thi gây khó khăn trong việc chỉ đạo chất lượng và quản lý quy chế thi cử.

**Điều 3.** — Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố, các sở, ty giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các kỳ thi hết cấp II của tỉnh, thành và kỳ thi hết cấp I của các trường trực thuộc. Các phòng giáo dục khu, huyện tổ chức quản lý các kỳ thi hết cấp I thuộc địa phương mình phụ trách.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Giáo dục, các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các kỳ thi riêng cho học viên trường mình.

**Điều 4.** — Các trường bổ túc văn hóa chịu trách nhiệm lập hồ sơ cho học viên trường mình (kể cả học viên đã học các khóa trước) nộp cho các phòng giáo dục huyện, thị xã, khu phố (trực thuộc thành phố), cho các sở, ty giáo dục theo sự phân cấp quản lý ở điều 3.

Thí sinh tự do đăng ký thi và nộp hồ sơ trước khi thi 30 ngày tại các phòng giáo dục khu, huyện đối với cấp I hoặc cho sở, ty giáo dục đối với cấp II nơi hiện đang công tác hoặc sản xuất.

**Điều 5.** — Khi vào phòng thi, thí sinh phải xuất trình giấy chứng minh thư hoặc giấy chứng nhận căn cước do cơ quan công an cấp.

## Chương hai

### ĐIỀU KIỆN DỰ THI

**Điều 6.** — Muốn dự thi hết cấp I hoặc cấp II bổ túc văn hóa thí sinh phải học xong chương trình do Bộ Giáo dục ban hành đối với cấp học đó.

Những người đã học xong chương trình lớp 4, lớp 7 phổ thông hiện đang công tác trong các cơ quan Nhà nước hoặc tham gia lao động sản xuất ở cơ sở từ sáu tháng trở lên cũng được dự các kỳ thi hết cấp I, cấp II bổ túc văn hóa.

Những người đang trong thời kỳ bị thi hành kỷ luật *không cho thi* của các cơ quan có thẩm quyền của ngành giáo dục thì không được thi.

**Điều 7.** — Hồ sơ thí sinh dự thi gồm :

1. Đối với học viên đang học ở trường :

— Có tên trong danh sách dự thi do nhà trường nộp lên ;

— Học bạ (bản chính) do nhà trường cấp.

2. Đối với thí sinh tự do :

— Đơn xin dự thi ;

— Học bạ phổ thông hoặc bổ túc văn hóa do nhà trường cấp hoặc giấy khai quá trình tự học. Giấy này phải có xác nhận về quá trình công tác và tư cách đạo đức của cơ quan hoặc đơn vị sản xuất quản lý và chỉ có giá trị sử dụng trong kỳ thi ; không có giá trị sử dụng như giấy chứng nhận học lực của cơ quan giáo dục cấp ;

— Giấy chứng nhận đã trúng tuyển kỳ thi hết cấp I phổ thông hoặc bổ túc văn hóa đối với thí sinh dự thi hết cấp II.

## Chương ba

### CHƯƠNG TRÌNH THI, MÔN THI, ĐỀ THI

**Điều 8.** — Chương trình thi là chương trình cấp I, cấp II bổ túc văn hóa hiện hành áp dụng cho từng loại đối tượng.

**Điều 9.** — Môn thi hoặc bài thi quy định như sau :

*Đối với cấp I :*

a) *Mức độ phổ cập*, thi ba bài :

— học tính : 60 phút.

— tập viết văn : 60 phút.

— tập đọc : mỗi học viên đọc to một bài từ 300 đến 500 tiếng chữ in, với tốc độ 100 tiếng một phút.

b) *Mức hoàn chỉnh*, thi ba bài :

— học tính : 90 phút.

— tập làm văn : 90 phút.

— tập đọc : mỗi học viên đọc to một bài từ 500 đến 800 tiếng chữ in, với tốc độ 130 tiếng một phút.

09664744

www.LawSofc.com +84-8-3845 6684

Đối với cấp II, thi bốn môn :

- toán : 150 phút (bắt buộc),
- tập làm văn : 150 phút (bắt buộc).

— ngoài ra, sẽ chọn thi hai môn nữa trong số các môn học còn lại của lớp 7B để quy định cho từng kỳ thi, mỗi môn thi trong 90 phút.

**Điều 10.** — Mỗi kỳ thi các sở, ty giáo dục ra quyết định thành lập các hội đồng ra đề thi hết cấp I và hết cấp II bổ túc văn hóa chung cho tỉnh, thành theo quy định như sau :

#### A. Thành phần hội đồng :

— Chủ tịch hội đồng : ông giám đốc hoặc phó giám đốc sở, ông trưởng ty hoặc phó trưởng ty giáo dục ;

— Phó chủ tịch : ông trưởng hoặc phó phòng bổ túc văn hóa của sở, ty giáo dục ;

— Thư ký hội đồng : cán bộ phụ trách thi bổ túc văn hóa của sở, ty giáo dục ;

— Ủy viên ra đề thi các bộ môn : mỗi môn có hai hoặc ba người là cán bộ chỉ đạo bộ môn của sở, ty giáo dục hoặc giáo viên có năng lực của tỉnh, thành.

Đối với các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục, ông hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng ra đề thi cho trường mình theo số lượng thành phần đã quy định ở trên và báo cáo về Bộ. Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng, phó chủ tịch là hiệu phó, thư ký là trưởng phòng giáo vụ hoặc một giáo viên.

#### B. Trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng :

— Quy định các môn thi đã được phép lựa chọn ;

— Ra đề thi, hướng dẫn chấm thi và cho điểm, đảm bảo bí mật, chính xác và đúng chương trình.

#### C. Trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên trong hội đồng :

##### 1. Chủ tịch hội đồng :

— Chịu trách nhiệm duyệt toàn bộ đề thi, đáp án, biểu điểm các bộ môn, đảm bảo tính chính xác, tính khoa học, đúng chương trình, sát trình độ học viên ;

— Quyết định những vấn đề về bộ môn mà trong nhóm bộ môn chưa nhất trí khi ra đề và hướng dẫn chấm ;

— Duyệt lại lần cuối cùng các bản đề thi đã đánh máy, đã in trước khi giao cho các cán bộ bộ môn vào bì và niêm phong.

2. **Phó chủ tịch hội đồng** : giúp chủ tịch hội đồng trong các phần việc trên và theo dõi đơn đốc các ủy viên hội đồng thực hiện đúng kế hoạch ra đề thi, đảm bảo bí mật, chính xác và đúng chương trình.

3. **Thư ký hội đồng** : chịu trách nhiệm tổ chức việc đánh máy, in, vào bì, niêm phong và gửi đề thi cho các hội đồng coi thi, hướng dẫn chấm cho hội đồng chấm thi, đảm bảo bí mật, chính xác.

##### 4. Các nhóm ra đề thi :

— Chịu trách nhiệm ra đề thi, hướng dẫn chấm thi và cho điểm các bài thi của bộ môn mình phụ trách, đảm bảo bí mật, chính xác, đúng chương trình, sát trình độ học viên ;

— Soát lại bản đánh máy, bản in các đề thi, đáp án, biểu điểm, báo đảm đúng như bản thảo đã được lãnh đạo duyệt ;

— Vào bì và niêm phong đề thi của bộ môn mình phụ trách trước khi giao cho thư ký hội đồng.

### Chương bốn

## HỘI ĐỒNG COI THI, CHẤM THI VÀ BAN KIỂM TRA KỲ THI

**Điều 11.** — Tùy tình hình cụ thể của mỗi kỳ thi, ông giám đốc sở, hoặc trưởng ty giáo dục, ông hiệu trưởng các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục ra quyết định thành lập các hội đồng coi thi, chấm thi cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở nhằm đảm bảo sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự thi và giáo viên coi thi, chấm thi.

a) **Hội đồng coi thi** : không tổ chức những hội đồng thi quá nhỏ chỉ có một phòng thi, nhưng cũng không tổ chức những hội đồng quá lớn, tập trung trên 500 thí sinh gây khó khăn cho việc ăn, ở, đi lại của thí sinh.

##### b) Hội đồng chấm thi :

**Cấp I** : Mỗi khu, huyện tổ chức một hội đồng chấm thi.

**Cấp II** : Mỗi tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương thành lập một hội đồng chấm thi.

Mỗi trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục tổ chức một hội đồng chấm thi chung cho cả cấp I và cấp II.

**Điều 12.** — Trong các kỳ thi (hết cấp I, cấp II hoặc chung cả hai cấp) hoặc trong một năm học ông giám đốc hoặc trưởng ty các sở, ty giáo dục ra quyết định thành lập một ban kiểm tra thi :

**Điều 13.** — Thành phần mỗi hội đồng coi thi, chấm thi gồm :

— Chủ tịch hội đồng,

— Một hoặc hai phó chủ tịch,

— Một thư ký.

— Một số ủy viên coi thi, chấm thi đảm bảo ít nhất mỗi phòng thi phải có hai giáo viên coi thi, mỗi bài thi phải có hai giáo viên chấm.

**Điều 14.** — Việc thành lập hội đồng coi thi, chấm thi phải đảm bảo một số nguyên tắc sau :

#### A. Hội đồng coi thi :

1. Chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng phải là cán bộ hoặc giáo viên của ngành giáo dục có trình độ về chuyên môn và hiểu biết về nghiệp vụ thi cử.

2. Trong một hội đồng coi thi phải có ít nhất một nửa số cán bộ lãnh đạo và giáo viên coi thi là người không có thí sinh dự thi ở hội đồng đó. Trong một cặp coi thi không được bố trí hai giáo viên cùng trường.

Đối với các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục phải đảm bảo trong một cặp coi thi có một giáo viên không có thí sinh dự thi ở phòng đó.

3. Hội đồng coi thi đặt ở trường nào thì trường đó cử một hiệu trưởng hoặc hiệu phó tham gia phó chủ tịch hội đồng phụ trách về cơ sở vật chất và đảm bảo an toàn cho kỳ thi.

#### B. Hội đồng chấm thi :

##### 1. Chủ tịch hội đồng.

**Cấp I** : Chủ tịch hội đồng là cán bộ lãnh đạo của phòng giáo dục khu, huyện hoặc hiệu trưởng một trường tập trung của khu, huyện.

**Cấp II** : Chủ tịch hội đồng là cán bộ lãnh đạo phòng bổ túc văn hóa của sở, ty giáo dục hoặc hiệu trưởng trường bổ túc văn hóa tập trung của tỉnh, thành.

Ở các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục, chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng của trường (cả cấp I và cấp II).

##### 2. Giáo viên chấm thi.

— Phải là giáo viên toàn cấp ;

— Trong một cặp chấm thi không được bố trí hai giáo viên cùng trường ;

— Đối với các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục, trong một cặp chấm thi phải có một giáo viên không có học viên dự thi.

**Điều 15.** — Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng coi thi và chấm thi :

— Các hội đồng coi thi, chấm thi có trách nhiệm coi thi chấm thi, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, vô tư, đúng quy định về nghiệp vụ thi cử của Bộ ;

— Chủ tịch hội đồng lãnh đạo toàn bộ công việc trong hội đồng thi do mình phụ trách ;

— Phó chủ tịch hội đồng giúp chủ tịch lãnh đạo công việc trong phạm vi được chủ tịch phân công ;

— Thư ký giúp chủ tịch làm các giấy tờ, sổ sách và ghi biên bản các cuộc họp hội đồng ;

— Giáo viên coi thi, chấm thi phải làm tròn trách nhiệm của mình theo đúng trách nhiệm và quyền hạn đã quy định về nghiệp vụ thi cử.

**Điều 16.** — Hồ sơ của hội đồng coi thi gồm có :

— Toàn bộ hồ sơ thí sinh ghi ở điều 7 ;

— Danh sách thí sinh có ghi số báo danh [theo văn a, b, c, ... danh sách này phải được niêm yết tại địa điểm thi một tuần trước khi thi ;

— Hai bản gọi tên đề thí sinh ký khi thi từng môn (theo mẫu của Bộ quy định) ;

— Bài làm của thí sinh ;

— Biên bản của hội đồng ;

— Biên bản và tài liệu vi phạm kỷ luật (nếu có).

**Điều 17.** — Hồ sơ của hội đồng chấm thi gồm có :

— Toàn bộ hồ sơ của hội đồng coi thi ghi ở điều 16 ;

— Hai bản danh sách thí sinh có ghi điểm thi các môn ;

— Hai bản danh sách thí sinh trúng tuyển ;

— Biên bản chấm thi các bộ môn kèm theo thống kê điểm thi môn đó ;

— Biên bản tổng kết của hội đồng và báo cáo kết quả kỳ thi.

**Điều 18.** — Thành phần của ban kiểm tra thi :

- Một phó giám đốc sở hoặc phó trưởng ty giáo dục làm trưởng ban ;
- Một cán bộ phòng hồ tước văn hóa của sở, ty làm thư ký ;
- Một số ủy viên từ 3 đến 5 người là cán bộ giáo viên trong ngành.

**Điều 19.** — Quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm tra thi :

- Kiểm tra mọi công việc về mặt tổ chức của các hội đồng coi thi và chấm thi trong tỉnh, thành ;
- Đề xuất với chính quyền và ngành chuyên môn giải quyết những khó khăn trong quá trình tổ chức thi ;
- Đề nghị ngành giáo dục khen thưởng hoặc kỷ luật những thành viên và hội đồng coi thi, chấm thi, tùy theo thành tích hoặc thiếu sót của họ.

### Chương năm

## ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

**Điều 20.** — Những thí sinh dự đầy đủ các môn thi quy định trong một kỳ thi, có trung bình cộng điểm thi của các môn đạt từ 5 trở lên, không có môn thi nào bị điểm 0 (không điểm), được công nhận trúng tuyển.

Những thí sinh thi hết cấp II là cán bộ chủ chốt đúng tuổi (45 tuổi trở lên) học ở các trường phổ thông lao động và nửa tập trung được phép thi lại các môn dưới điểm trung bình trong năm học đó và nếu những môn thi lại đạt điểm trung bình trở lên cũng được công nhận trúng tuyển.

**Điều 21.** — Những thí sinh được đề nghị xét vớt phải có đủ các điều kiện sau đây :

— Học ở các trường bổ túc văn hóa tập trung hoặc bổ túc văn hóa tại chức đã được sở, ty giáo dục công nhận ;

— Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp đạt từ điểm trung bình trở lên ;

— Điểm trung bình cộng các môn thi đạt 4,5 điểm trở lên, không có môn thi nào bị điểm 0 (không điểm).

**Điều 22.** — Những học viên ở các trường bổ túc văn hóa tập trung hay tại chức có nền nếp,

đã học hết chương trình, thái độ học tập, tư cách, đạo đức tốt ; điểm tổng kết các môn năm học cuối cấp đạt trung bình trở lên và có đủ điều kiện dự thi, nhưng đến ngày thi được điều động đi bộ đội, đi thanh niên xung phong dài hạn theo chế độ bộ đội thì được xét đỗ đặc cách.

### Chương sáu

## XÉT DUYỆT VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ

**Điều 23.** — Ông giám đốc sở, ông trưởng ty giáo dục xét duyệt công nhận kết quả các kỳ thi hết cấp I, cấp II và ký giấy chứng nhận trúng tuyển cho các thí sinh.

Trường hợp đặc biệt có thể ủy quyền cho phó giám đốc hoặc phó trưởng ty giáo dục.

Các ông hiệu trưởng hoặc hiệu phó các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục xét duyệt, công nhận kết quả kỳ thi và ký giấy chứng nhận trúng tuyển cho thí sinh của trường.

**Điều 24.** — Trách nhiệm và quyền hạn của người duyệt thi :

— Xem xét toàn bộ hồ sơ của các hội đồng coi thi, chấm thi ;

— Nếu cần yêu cầu các hội đồng xét lại việc cho điểm hoặc thành lập hội đồng phúc khảo các kỳ thi ;

— Duyệt danh sách các thí sinh trúng tuyển quyết định công nhận kết quả kỳ thi ;

— Hủy bỏ kết quả kỳ thi của từng thí sinh hoặc của cả một hội đồng thi, nếu vi phạm nghiêm trọng quy chế thi.

**Điều 25.** — Hồ sơ báo cáo về Bộ gồm :

— Báo cáo toàn bộ quá trình tổ chức các kỳ thi trong năm học kèm theo thống kê kết quả (theo mẫu của Bộ quy định) ;

— Một bộ đề thi và đáp án của một kỳ thi (cả cấp I và cấp II) ;

— Bài thi : mỗi môn 9 bài (3 bài khá, 3 bài trung bình, 3 bài kém).

**Điều 26.** — Danh sách thí sinh trúng tuyển (có ghi rõ điểm thi từng môn) phải được công bố chậm nhất 30 ngày sau khi thi. Thí sinh trúng tuyển phải được cấp giấy chứng nhận trong thời hạn 45 ngày sau khi duyệt kết quả kỳ thi.

**Điều 27.** — Bảng điểm, danh sách trúng tuyển, sổ cấp giấy chứng nhận của các kỳ thi hết cấp I, cấp II do sở, ty giáo dục quản lý và phải lưu trữ lâu dài. Các hồ sơ còn lại chỉ lưu trữ trong ba năm.

Hồ sơ của các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục do nhà trường quản lý với thời gian như trên. Riêng bảng điểm và danh sách trúng tuyển phải nộp về Bộ mỗi thứ một bản.

### Chương bảy

## KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

**Điều 28.** — Những thành viên hội đồng thi có nhiều cố gắng, tích cực, hoàn thành nhiệm vụ thì được chủ tịch hội đồng đề nghị các sở, ty giáo dục khen thưởng.

Trường hợp vi phạm quy chế thi trong lúc làm nhiệm vụ hay sau này mới phát hiện được thì các sở, ty giáo dục xét tùy theo lỗi nặng nhẹ mà có những hình thức kỷ luật thích đáng.

**Điều 29.** — Hội đồng chấm thi xét và đề nghị các sở, ty giáo dục khen thưởng những thí sinh thi đạt loại giỏi.

— Những thí sinh phạm lỗi trong khi thi, tùy theo lỗi nặng nhẹ, hội đồng thi xét và quyết định kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, đuổi ra khỏi phòng thi, không cho tiếp tục dự thi, không chấm bài thi, không xét duyệt kết quả hoặc đề nghị với sở, ty giáo dục không cho thi một, hai kỳ thi.

— Những thí sinh phạm lỗi sau này mới phát hiện được sẽ bị thi hành kỷ luật như hủy bỏ kết quả kỳ thi, thu hồi giấy chứng nhận trúng tuyển.

**Điều 30.** — Những người khác vi phạm quy chế như tạo điều kiện cho thí sinh gian lận hồ sơ, thi hộ, bày bài cho thí sinh, phá rối trật tự kỳ thi... thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà các hội đồng thi, các phòng giáo dục, các sở, ty giáo dục đề nghị với cấp chính quyền quản lý thi hành kỷ luật thích đáng.

**Điều 31.** — Các trường bổ túc văn hóa trực thuộc Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm khen thưởng và kỷ luật những thí sinh, thành viên trong hội đồng và những người khác như các sở, ty giáo dục.

### Chương tám

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 32.** — Bản quy chế này có hiệu lực thi hành từ năm học 1976 — 1977. Những quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Ông Vụ trưởng Vụ bổ túc văn hóa có trách nhiệm hướng dẫn thi hành bản quy chế này.

Hà-nội, ngày 25 tháng 5 năm 1976

K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thủ trưởng

HỒ TRÚC